

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**
Bản án số: 33/2021/HS-ST
Ngày: 08-12-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Thanh Liêm.

- Ông Đào Văn Tươi.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Đạt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 31/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1991 tại huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp N, xã L, huyện N, tỉnh C ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Thùy và bà Võ Thị Sáng; Bị cáo có vợ và 01 con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/7/2021 đến ngày 12/7/2021 chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Tạ Hoàng G, sinh năm 1993 tại huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp X, xã V, huyện N, tỉnh C; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tạ Văn Chào và bà Huỳnh Ngọc Trang; Bị cáo có vợ: Võ Thị Huỳnh Như; Tiền án: không; Tiền sự: Ngày 12/8/2019 bị Tòa án nhân dân huyện

Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng từ ngày 16/5/2019 đến ngày 05/11/2020 chấp hành xong; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/7/2021 đến ngày 23/7/2021 chuyển tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Liên tiểu khu 115-116-117 thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến Vàng (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện N, tỉnh C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ban quản lý rừng phòng hộ kiến vàng (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện N, tỉnh C.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn K1, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp G, xã T, huyện Đ, tỉnh C.

- Ông Nguyễn Tuấn K1, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp G, xã T, huyện Đ, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 18 giờ ngày 05.7.2021, Nguyễn Tuấn K điều khiển phương tiện võ composite dài 5,9m hiệu Trọng sỹ và máy Honda 5.5HP đi công việc thì gặp Tạ Hoàng G tại Sông Lớn thuộc ấp Ô, xã V, huyện N, tỉnh C. K rủ G tới đi trộm cắp tài sản thì G đồng ý. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, K qua nhà rước Giang, sau đó Giang điều khiển phương tiện võ composite dài 5,9m hiệu Trọng Sỹ và máy Honda 13CV chở Kiệt đi dọc theo sông Năm Căn qua đến xã Tam Giang Tây tìm kiếm phương tiện neo đậu sơ hở để trộm cắp.

Đến khoảng 01 giờ ngày 06.7.2021, phương tiện của Giang và Kiệt lưu thông đến Liên tiểu khu 115, 116, 117 thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến Vàng. K thấy võ composite dài 9,2m hiệu Vạn Nam, máy xe hiệu YANG MA loại 4T86 giàn cầu Inox của Liên tiểu khu đang neo đậu bên hông nhà Liên tiểu khu. K kêu G tắt máy đậu cách đó khoảng 40m, K xuống sông bơi lại vị trí đậu võ dùng kéo đã chuẩn bị trước đó cắt dây buộc võ nên bị Nguyễn Tuấn K1 là cán bộ tiểu khu phát hiện truy hô, nên Nguyễn Tuấn K1 đẩy võ ra xa Liên tiểu khu và điều khiển võ máy về ấp G, xã N, huyện P, tỉnh C cất giấu và về nhà ở ấp N, xã L, huyện N, tỉnh C ngủ. Đến 15 giờ cùng ngày K qua kiểm tra võ máy đã trộm được

thì bị Công an mời làm việc. Đối với Tạ Hoàng G bỏ trốn khỏi địa phương đến ngày 21.7.2021 G bị mời về làm việc và đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Ngọc Hiền xác định giá trị tài sản gồm: 01 võ composte hiệu Vạn Nam có giá 14.000.000đ; 01 máy xe hiệu Yang Ma loại 4T86, giàn cầu Inox có giá 28.800.000đ; 01 bình ắc quy hiệu Đồng Nai loại 100 ampe có giá 2.079.000đ. Tổng giá trị theo định giá là 44.879.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐ ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Ngọc Hiền xác định giá trị tài sản gồm: 01 cái cal bằng nhựa loại 30 lít, 01 cây dầm bằng gỗ dài 1,5m và 27 lít dầu đỏ. Tổng giá trị theo định giá là 491.130 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 võ composite dài 9,2m hiệu Vạn Nam, máy xe hiệu YANG MA loại 4T86 giàn cầu Inox; 01 bình ắc quy Đồng nai loại 100 ampe (đã trả cho chủ sở hữu).

Tại bản cáo trạng số: 34/CT-VKS ngày 01/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiền truy tố các bị cáo Nguyễn Tuấn K1, Tạ Hoàng G về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn K từ 06 đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Tạ Hoàng G từ 06 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã khắc phục xong nên không xem xét.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại nên không xem xét.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ngọc Hiền, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiền, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục

quy định. Bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy lời khai của các bị cáo Nguyễn Tuấn K, Tạ Hoàng G tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung bản cáo trạng, với vật chứng Cơ quan điều tra thu giữ được, lời khai của những người làm chứng và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định như sau: Khoảng 01 giờ ngày 06/7/2021, bị cáo Kiệt và Giang điều khiển phương tiện lưu thông đến Tiểu khu 115-116-117 thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến Vàng. K thấy võ Composite dài 9,2m hiệu Vạn Nam, máy hiệu YANG MA loại 4T86 giàn cầu Inox đang đậu dưới sông không có người trông coi nên kêu G tắt máy đậu cách đó 40 mét, K lội xuống sông bơi lại vị trí đậu võ dùng kéo cắt dây buộc võ thì bị anh Nguyễn Tuấn K1 phát hiện nên K đẩy võ ra xa, điều khiển võ chạy về ấp G, xã N, huyện P, tỉnh C. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt theo kết luận định giá có trị giá là 44.879.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định các bị cáo Nguyễn Tuấn K và Tạ Hoàng G đã có hành vi lén lút lấy cắp tài sản của người khác. Các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên hành vi của các bị cáo Nguyễn Tuấn K và Tạ Hoàng G đã cấu thành tội trộm cắp tài sản.

Do đó cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 01/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển truy tố các bị cáo Nguyễn Tuấn K và Tạ Hoàng G về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, phạm tội với lỗi cố ý, đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người trưởng thành đủ sức khỏe để lao động kiếm tiền hợp pháp để tiêu xài nhưng do bản tính tham lam, lười lao động muốn hưởng thụ trên công sức của người khác mà không cần lao động nên chiếm đoạt tài sản của người khác tiêu xài cho cá nhân. Do đó cần có mức án tương xứng với hành vi của bị cáo mới đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Các bị cáo đã cùng thực hiện hành vi phạm tội là thuộc trường hợp đồng phạm nhưng các bị cáo không có kế hoạch chuẩn bị từ trước, không phân công nhiệm vụ cụ thể cho nhau nên xác định là đồng phạm giản đơn.

[4] Tuy nhiên, cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Tuấn K được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Tự nguyện khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Tạ Hoàng G được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; người bị hại xin giảm nhẹ là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Xét lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn K từ 06 đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Tạ Hoàng G từ 06 đến 09 tháng tù.

Hội đồng xét xử xét thấy lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo Nguyễn Tuấn K và Tạ Hoàng G là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện học tập, lao động trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[6] Xét về vai trò của các bị cáo: Bị cáo Nguyễn Tuấn K là người rủ rê bị cáo Tạ Hoàng G thực hiện hành vi phạm tội nên cần có mức hình phạt cao hơn bị cáo G. Tuy nhiên, bị cáo Tạ Hoàng G có 01 tiền sự chưa được xóa nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Đồng thời, bị cáo K có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn bị cáo G nên Hội đồng xét xử xét thấy xử phạt bị cáo K và bị cáo G mức án bằng nhau là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Liên Tiêu khu 115-116-117 yêu cầu bồi thường số tiền 419.130 đồng, bị cáo Nguyễn Tuấn K đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên được ghi nhận buộc bị cáo Nguyễn Tuấn K bồi thường cho Liên Tiêu khu 115-116-117 thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến vàng số tiền 419.130 đồng. Bị cáo đã nộp tiền khắc phục tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

[8] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại nên không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Tuấn K và bị cáo Tạ Hoàng G mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

[10] Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm bị cáo Nguyễn Tuấn K và bị cáo Tạ Hoàng G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến Vàng, Liên tiểu khu 115-116-117, ông Nguyễn Tuấn K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tuấn K 07 (bảy) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 07/7/2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Tạ Hoàng G 07 (bảy) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 21/7/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; Điều 587 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn K bồi thường cho Liên Tiểu khu 115-116-117 thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến vàng số tiền 419.130 đồng, Liên Tiểu khu 115-116-117 thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến vàng được nhận số tiền nêu trên tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Tuấn K và bị cáo Tạ Hoàng G mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án sơ thẩm bị cáo Nguyễn Tuấn K1 và bị cáo Tạ Hoàng G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ban quản lý rừng phòng hộ Kiến Vàng, Liên tiểu khu 115-116-117, ông Nguyễn Tuấn K1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Công an huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Nghi